

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HS-ST  
Ngày 26-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Công

***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Phan Tấn Lâm – Phó trưởng phòng GD &ĐT huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Ông Phạm Văn Đảo – Bí thư Đoàn xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2021/TLST- HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Bị cáo Điều N**, sinh năm 1998; tại Bình Phước; nơi đăng ký HKTT: thôn B 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Thôn B 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Stiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Thiêng và bà Thị Hương; có vợ Thị Là; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2021 đến 15/10/2021 được tại ngoại “có mặt tại phiên tòa”.

**2. Bị cáo Điều T**, sinh năm 1997; tại Bình Phước; nơi đăng ký HKTT: thôn B 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Stiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Vép và bà Điều Thị Vung; có vợ Thị Ngân và có 01 người

con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến nay “có mặt tại phiên tòa”.

**3. Bị cáo Điều Q**, sinh ngày 25/12/2004; tại Bình Phước; nơi đăng ký HKTT: thôn B 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Thôn B 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Stiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Nghen và bà Thị Viêu; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến 12/6/2021 được tại ngoại “có mặt tại phiên tòa”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Điều Q*: Luật sư Phí Ngọc M – Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Điều Q*: bà Thị V, sinh năm 1979 (là mẹ ruột của bị cáo Q) “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn B 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người tham gia tố tụng khác*:

\* Người chứng kiến: Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1962 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn BT, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 03/6/2021 Điều N, Điều Q và Điều T cùng ngồi uống rượu tại quán “thịt chó” thuộc khu phố Long Điền, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Lúc này N có nhu cầu sử dụng chất ma túy liền gọi điện cho một đối tượng tên Đ (chưa rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua 300.000 đồng ma túy thì Đ đồng ý bán và nói N đến khu vực đầu dốc lô cao su thuộc xã Đakia, huyện Bù Gia Mập để nhận ma túy. Sau đó, N nói Q, T có muốn sử dụng ma túy không thì Q, T đồng ý. N lấy 300.000 đồng, số điện thoại của Đ đưa cho Q và nói Q, T đến đầu dốc lô cao su để mua ma túy, sau đó N đi về. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59S1-217.62 chở Q đến đầu dốc lô cao su thì Q lấy điện thoại gọi cho Đ và đưa cho T để hỏi Đ địa điểm cụ thể để mua bán ma túy. Sau đó, T điều khiển xe chở Q đến gặp Đ; tại đây Q đưa cho Đ 300.000 đồng, Đ chỉ cho Q đến gần đó lấy vỏ bao thuốc lá hiệu Hero bên ngoài dán băng keo màu đen bên trong chứa ma túy. Sau đó, Q đi lấy vỏ bao thuốc lá bên trong chứa ma túy rồi lên xe mô tô để T chở về. Khi đến địa phận thôn Bình Thủy, xã Đa Kì, huyện Bù Gia Mập thì bị Công an huyện Bù Gia Mập kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật.

Ngày 06/6/2021, Điều N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận giám định số: 166/2021/GĐ-MT ngày 09/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng (ký hiệu M) có trong 01 (một) gói nylon được niêm phong gửi giám định là chất Ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,1768gam. Hoàn lại sau giám định 0,0897gam.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS ngày 22 tháng 11 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố các bị cáo Điều N, Điều T, Điều Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Điều N từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Điều T từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; các Điều 90, 91, 98 và 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Điều Q từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng đề nghị: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với 0,0897gam ma túy, loại Methamphetamine (*hoàn lại sau giám định được niêm phong*) là vật chứng của vụ án, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Hero bên ngoài có dán bằng keo đen, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh (đã qua sử dụng), đây là điện thoại của Điều Q sử dụng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 59S1-217.62 mà Điều T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra xác định xe này do Điều Vép (bố của Điều T) mua lại của một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch, xe không có giấy tờ hợp pháp. Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc của chiếc xe nên đã tách ra để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Điều Q trình bày: Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo Điều Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc

nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65, Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Q được hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo Điều N, Điều T và Điều Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định.

Tại phiên tòa bị cáo các bị cáo Điều N, Điều T không tranh luận gì về tội danh, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật. Các bị cáo cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản người phạm tội đầu thú, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ về thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào chiều ngày 03/6/2021 Điều N, Điều T, Điều Q đang cùng nhau uống rượu thì N rủ Q, T cùng sử dụng ma túy thì Q, T đồng ý. Sau đó, N lấy 300.000 đồng và số điện thoại của đối tượng tên Đ đưa cho Q, T để liên lạc và mua ma túy. T điều khiển xe mô tô chở Q đến gặp Đ mua 0,1768gam ma túy loại Methamphetamine với số tiền 300.000 đồng rồi đem về sử dụng. Khi Q và T đến địa phận thôn Bình Thủy, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập thì bị Công an huyện Bù Gia Mập bắt quả tang.

[3] Đối chiếu hành vi nêu trên của các bị cáo Điều N, Điều T, Điều Q so với những quy định của pháp luật thì hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố các bị cáo Điều N, Điều T, Điều Q về tội “Tàng trữ bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của nhà nước đối với chất ma túy, trong đó có loại Methamphetamine. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là rất nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn có ma túy để sử dụng cho bản thân nên các bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện việc phạm tội. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn:

[5.1] Đối với bị cáo Điều N là người khởi xướng, rủ các bị cáo Điều T, Điều Q sử dụng ma túy và là người lấy đưa số tiền 300.000 đồng cùng số điện thoại của đối tượng tên Đ cho bị cáo Q để liên lạc mua ma túy. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhưng cao hơn các bị cáo còn lại mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5.2] Đối với bị cáo Điều T và Điều Q sau khi được bị cáo Điều N khởi xướng, các bị cáo đã đồng ý và chính bị cáo Điều T là người trực tiếp liên lạc với đối tượng Đ, bị cáo Điều Q trực tiếp thực hiện hành vi mua bán ma túy với Đ để mua ma túy về sử dụng. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhưng thấp hơn bị cáo Điều Q nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo Điều N, Điều T, Điều Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu; các bị cáo có trình độ học vấn thấp, là người đồng bào dân tộc thiểu số nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự các bị cáo được hưởng. Bị cáo Điều N sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Bị cáo Điều Q khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên (16 tuổi 05 tháng 08 ngày) nên cần áp dụng Điều 90, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Điều N là người khởi xướng và xúi giục bị cáo Điều Q là người chưa thành niên phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Điều T, Điều Q không có tình tiết tăng nặng tránh nhiệm hình sự nào.

[6.3] Về nhân thân: các bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Điều Q là có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[10] Về vật chứng:

- Đối với 0,0897gam ma túy, loại Methamphetamine (*hoàn lại sau giám định được niêm phong*) là vật chứng của vụ án, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Hero bên ngoài có dán bằng keo đen, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh (đã qua sử dụng), đây là điện thoại của Điều Q sử dụng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 59S1-217.62 mà Điều T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra xác định xe này do Điều Vép (bố của Điều T) mua lại của một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch, xe không có giấy tờ hợp pháp. Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc của chiếc xe nên đã tách ra để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với đối tượng tên Đ, hiện không xác định được nhân thân lai lịch, nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Tuyên bố các bị cáo Điều N, Điều T, Điều Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Điều N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2021 đến ngày 15/10/2021.

Áp dụng vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Điều T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2021.

Áp dụng vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Điều Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến ngày 12/6/2021.

**2.** Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ vào các Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên tịch thu tiêu hủy 0,0897gam ma túy, loại Methamphetamine(*hoàn lại sau giám định được niêm phong*) và 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Hero bên ngoài có dán băng keo đen là vật chứng của vụ án.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh (đã qua sử dụng), đây là điện thoại của Điều Q sử dụng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy (*Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0008735 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước*).

**3.** Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Điều N, Điều T và Điều Q phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**4.** Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Điều Q, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Điều Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an huyện Bù Gia Mập
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Các bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**Nguyễn Văn Công**